

DANH SÁCH CHI TIỀN CÔNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC QUA TÀI KHOẢN CÁ NHÂN Công đợt 2 Tháng 7 năm 2020

Đơn vị: đồng

ST T	Họ và tên	Công PVAS 1/2-T7	Tổng PVBT 1/2-T7	Hỗ trợ trực tiếp và g. tiếp 1/2-T7	Năng khiếu 1/2-T7	Thực lĩnh	STT
A	B		1		3	7	A
1	Lâm Thị Mộng Trinh	878.400	1.614.600	604.060	1.520.500	4.617.560	1
2	Nguyễn Thị Sánh	878.400	1.531.800	528.712	1.331.850	4.270.762	2
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	841.800	1.531.800	528.712	1.466.400	4.368.712	3
4	Phạm Thị Hồng Vân	775.600	1.584.000	619.200	377.500	3.356.300	4
5	Hoàng Thị Thanh Bút	694.200	1.419.000	534.600	632.250	3.280.050	5
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	747.900	1.496.000	584.800	217.500	3.046.200	6
7	Dương Thị Ngọc	547.200	1.343.333	541.467		2.432.000	7
8	Trần Thị Lệ Xuân	891.000	1.175.000	517.500	305.500	2.889.000	8
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	934.500	1.548.000	583.200	515.625	3.581.325	9
10	Giang Thị Ngọc Thanh	552.533	1.440.000	420.000		2.412.533	10
11	Đoàn Hoài Nam	547.200	1.343.333	541.467		2.432.000	11
12	Lê Thụy Anh Đào	934.500	1.548.000	583.200	515.625	3.581.325	12
13	Đàm Thị Ngọc Loan	801.900	1.316.000	579.600	305.000	3.002.500	13
14	Phan Thị Kim Loan	653.400	1.316.000	649.600	157.500	2.776.500	14
15	Đào Khánh Phụng	839.800	1.463.000	500.000		2.802.800	15
16	Phạm Thị Nguyên Thủy	774.300	1.419.000	534.600	394.750	3.122.650	16
17	Nguyễn Thị Châu Thanh	941.800	1.804.000	705.200	595.000	4.046.000	17
18	Nguyễn Thị Thu Thủy	775.600	1.584.000	619.200	377.500	3.356.300	18
19	Trần Thị Bích Trâm					0	19
20	Trần Thị Kiều	552.533	1.440.000	420.000		2.412.533	20
21	Nguyễn Xuân Thanh Thảo	801.900	1.316.000	579.600	305.000	3.002.500	21
22	Nguyễn Thị Hộ	501.600	1.012.000	401.733		1.915.333	22
23	Nguyễn Thị Thùy Trang	501.600	1.012.000	401.733		1.915.333	23
24	Lê Thị Thu Dung	552.533	1.440.000	420.000		2.412.533	24
25	Sử Thị Ngọc Châu	653.400	1.316.000	579.600	157.500	2.706.500	25
26	Phạm Kim Hiền	747.900	1.496.000	584.800	217.500	3.046.200	26
27	Nguyễn Thị Hồng Tâm	878.400	1.614.600	604.060	1.466.400	4.563.460	27
28	Trần Thị Hà	839.800	1.463.000	500.000		2.802.800	28
29	Võ Thị Mỹ Linh	941.800	1.804.000	705.200	595.000	4.046.000	29
30	Trần Thị Thanh Thảo	891.000	1.175.000	517.500	305.500	2.889.000	30
31	Đào Vũ Uyên Duy	547.200	1.343.333	541.467		2.432.000	31
32	Hoàng Thị Bạch Ly	501.600	1.012.000	401.733		1.915.333	32
33	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	774.300	1.419.000	534.600	394.750	3.122.650	33
34	Nguyễn Song Hà Ny	774.300	1.333.000	502.200	379.125	2.988.625	34
35	Nguyễn Thị Bích Ngọc	774.300	1.333.000	502.200	379.125	2.988.625	35
36	Nguyễn Thị Minh Thư	694.200	1.419.000	534.600	632.250	3.280.050	36
37	Nguyễn Kim Quỳnh Như	805.200	1.283.400	528.712	1.331.850	3.949.162	37
38	Phạm Thanh Phú	805.200	1.209.708	529.622	469.475	3.014.005	38

39	Nguyễn Dương	805.200	1.209.708	529.622	469.475	3.014.005	39
40	Bùi Diễm Tú Minh	768.600	1.209.708	504.700	405.405	2.888.413	40
41	Nguyễn Thị Hồng Gấm	1.024.751	1.821.600	504.700		3.351.051	41
42	Ôn Thị Thanh Thanh	1.024.751	1.821.600	504.700		3.351.051	42
43	Ngô Thị Cẩm Linh	768.600	1.209.708	504.700	405.405	2.888.413	43
44	Mai Thị Nguyệt	1.024.434	1.821.600	504.700		3.350.734	44
45	Lê Thị Yến Trinh	1.024.434	1.821.600	504.700		3.350.734	45
46	Hoàng Thị Hạnh					0	46
	CỘNG	33.989.570	62.833.432	23.522.300	16.626.260	136.971.562	

DANH SÁCH CB-GV-CNV LÃNH TIỀN KHEN THƯỞNG ABC
HK2 - NH 2019 - 2020

STT	HỌ VÀ TÊN	CV	T2 T3	T2,,T3	T4 T5	T4,T5	T6	T6	T7	T7	HKII	THÀNH TIỀN
1	LÂM THỊ MỘNG TRINH	HT	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
2	NGUYỄN THỊ SÁNH	HP	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
3	NGUYỄN THỊ GIANG THANH	HP	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
4	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
5	HOÀNG THỊ THANH BÚT	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
6	NGÔ HOÀNG UYÊN MI	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
7	DƯƠNG THỊ NGỌC	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
8	TRẦN THỊ LỆ XUÂN	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
9	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
10	GIANG THỊ NGỌC THANH	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
11	ĐOÀN HOÀI NAM	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
12	LÊ THỤY ANH ĐÀO	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
13	ĐÀM THỊ NGỌC LOAN	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
14	PHAN THỊ KIM LOAN	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
15	ĐÀO KHÁNH PHỤNG	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
16	PHẠM THỊ NGUYỄN THÙY	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
17	NGUYỄN THỊ CHÂU THANH	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
18	NGUYỄN THỊ THU THỦY	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
19	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	GV	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
20	TRẦN THỊ KIỀU	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
21	NGUYỄN XUÂN THANH THẢO	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
22	NGUYỄN THỊ HỘ	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
23	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
24	LÊ THỊ THU DUNG	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
25	SỬ THỊ NGỌC CHÂU	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
26	PHẠM KIM HIỀN	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
27	NGUYỄN THỊ HỒNG TÂM	KT	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
28	TRẦN THỊ HÀ	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
29	VÕ THỊ MỸ LINH	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
30	TRẦN THỊ THANH THẢO	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
31	ĐÀO VŨ UYÊN DUY	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
32	HOÀNG THỊ BẠCH LY	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
33	NGUYỄN THỊ MỸ HIỀN	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
34	NGUYỄN SONG HÀ NY	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
35	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
36	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	GV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
37	NGUYỄN KIM QUỲNH NHƯ	VT	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
38	PHẠM THANH PHÚ	NV	A	168.000	A	168.000	A	168.000	A+	240.000	A	744.000
39	NGUYỄN DƯƠNG	BV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
40	BÙI DIỄM TÚ MINH	NV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000

STT	HỌ VÀ TÊN	CV	T2 T3	T2,,T3	T4 T5	T4,T5	T6	T6	T7	T7	HKII	THÀNH TIỀN
41	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	NV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
42	ÔN THỊ THANH THANH	NV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
43	NGÔ TH CẨM LINH	NV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
44	MAI THỊ NGUYỆT	NV	A	168.000	A	168.000	A	168.000	A+	240.000	A	744.000
45	LÊ THỊ YẾN TRINH	NV	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	240.000	A+	960.000
46	HOÀNG THỊ HẠNH	NV	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
												-
TỔNG CỘNG												41.808.000

ghi chú :

A+ 100%

A 70%

B 40%

Ngày 27 tháng 7 năm 2020



Lâm Thị Mộng Trinh

**BẢNG KÊ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NHẬN TIỀN BỒI DƯỠNG
ĐÓN SINH VIÊN RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1
NĂM HỌC 2019-2020**

STT	Họ và tên	GV nhóm, lớp	Số SV đã hướng dẫn		Định mức/ sinh viên	Số tiền	Tiết mẫu	Tổng cộng	Ký nhận
			Đợt 1	Đợt 2					
1	Giang Thị Ngọc Thanh	13-18th	2	2	450.000	1800.000		1800.000	
2	Đào Khánh Phụng	19-24 th	2	2	450.000	1800.000	150.000	1950.000	
3	Nguyễn Thị Hộ	25-36 th(1)	2	2	450.000	1800.000		1800.000	
4	Dương Thị Ngọc	25-36 th(2)	2	2	450.000	1800.000	150.000	1950.000	
5	Nguyễn Thị Châu Thanh	Chồi 1	2		450.000	900.000	150.000	1050.000	
6	Phạm Thị Hồng Vân	Chồi 2		2	450.000	900.000		900.000	
7	Ngô Hoàng Uyên Mí	Chồi 3		2	450.000	900.000		900.000	
8	Hoàng Thị Thanh Bút	Lá 1	2	2	450.000	1800.000	150.000	1950.000	
9	Phạm Thị Nguyên Thùy	Lá 2	2		450.000	900.000		900.000	
10	Lê Thụy Anh Đào	Lá 3	2	2	450.000	1800.000		1800.000	
11	Phạm Thanh Phú	Bảo vệ				500.000		500.000	
12	Nguyễn Dương	Bảo vệ				500.000		500.000	
13	Bùi Diễm Tú Minh	Lao công				150.000		150.000	
14	Ngô Thị Cẩm Linh	Lao công				150.000		150.000	
15	Mai Thị Nguyệt	Cấp dưỡng				1000.000		1000.000	
16	Nguyễn Thị Hồng Tâm	Kế toán				600.000		600.000	
17	Nguyễn Kim Quỳnh Như	Văn thư				400.000		400.000	
Cộng						17700.000	600.000	18300.000	

Tài liệu này ngày 24 tháng 7 năm 2020
TRƯỜNG MẦM NON 9
TRƯỞNG



Lâm Thị Mộng Trinh

BẢNG KÊ GIÁO VIÊN NHẬN TIỀN BỒI DƯỠNG
ĐÓN SINH VIÊN THỰC TẬP TẬP SỰ PHẠM
NĂM HỌC 2019-2020

STT	Họ và tên	GV nhóm, lớp	Số SV đã hướng dẫn		Định mức	Số tiền	Tiết mẫu	Tổng cộng	Ký nhận
			Đợt 1	Đợt 2					
1	Nguyễn Thị Hộ	25-36 th(1)	2	2	800.000	3200.000	100.000	3300.000	
2	Dương Thị Ngọc	25-36 th(2)	2	2	800.000	3200.000	125.000	3325.000	
3	Trần Thị Lệ Xuân	Mầm 1	2	2	800.000	3200.000	125.000	3325.000	
4	Đàm Thị Ngọc Loan	Mầm 2	2	2	800.000	3200.000	100.000	3300.000	
5	Nguyễn Thị Châu Thanh	Chồi 1	2	2	800.000	3200.000	125.000	3325.000	
6	Hoàng Thị Thanh Bút	Lá 1	2	2	800.000	3200.000	125.000	3325.000	
7	Phạm Thị Nguyễn Thùy	Lá 2	2	2	800.000	3200.000	100.000	3300.000	
8	Lê Thụy Anh Đào	Lá 3	2	2	800.000	3200.000	100.000	3300.000	
9	Phạm Thanh Phú	Bảo vệ				1000.000		1000.000	
10	Nguyễn Dương	Bảo vệ				1000.000		1000.000	
11	Bùi Diễm Tú Minh	Lao công				150.000		150.000	
12	Ngô Thị Cẩm Linh	Lao công				150.000		150.000	
13	Mai Thị Nguyệt	Cấp dưỡng				1600.000		1600.000	
14	Nguyễn Thị Hồng Tâm	Kế toán				600.000		600.000	
15	Nguyễn Kim Quỳnh Như	Văn thư				400.000		400.000	
	Cộng					30500.000	900.000	31400.000	

Tân Bình, ngày 24 tháng 7 năm 2020

HÀ TRƯỞNG**Lâm Thị Mộng Trinh**

TRƯỜNG MÃM NON 9

**BẢNG KÊ BAN GIÁM HIỆU NHẬN TIỀN BỒI DƯỠNG
ĐÓN SINH VIÊN RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 VÀ TTSP
NĂM HỌC 2019-2020**

STT	Họ và tên	Kinh phí RLNVSP 1		Kinh phí TTSP		Tổng cộng	Ký nhận
		Bảo cáo	BCĐ	Bảo cáo	BCĐ		
1	Lâm Thị Mộng Trinh	300.000	1600.000	300.000	1600.000	3800.000	
2	Nguyễn Thị Giang Thanh	300.000	1788.000	300.000	1624.000	4012.000	
3	Nguyễn Thị Sánh		350.000		350.000	700.000	
	Cộng	600.000	3738.000	600.000	3574.000	8512.000	

Tân Bình, ngày 24 tháng 7 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Mộng Trinh

